

Số: 222./CBTT-HWS

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 04 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v Báo cáo thường niên năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế (HueWACO)

2. Trụ sở chính: 103 Bùi Thị Xuân, Phường Phường Đúc, Thành phố Huế

3. Điện thoại: 0234.3815555

Fax: 0234.3826580

4. Mã chứng khoán: HWS

5. Người thực hiện công bố thông tin:

- Họ và tên: Ông Trương Công Nam – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Địa chỉ: 66 Phan Văn Trường, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế

6. Loại thông tin công bố:

24h

72h

Yêu cầu

Bất thường

Định kỳ

7. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế xin công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2021.

8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế vào ngày 26/04/2021 tại địa chỉ www.huewaco.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;

- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trương Công Nam

Trương Công Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân- Phường Phường Đức-

Thành phố Huế- Tỉnh Thừa Thiên Huế

Tel: 0234 381555 Fax: 0234 3826580

Email: info@hewaco.com.vn Website: hewaco.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

**“CẤP NƯỚC AN TOÀN, AN NINH NƯỚC,
THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”**

MỤC LỤC

A. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Giới thiệu BLĐ
6. Định hướng phát triển
7. Rủi ro

B. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động SXKD
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư CSH

C. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cái tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý
4. Phương hướng phát triển

D. Báo cáo của HĐQT

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

E. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch và thu lao
4. Tăng cường quản trị công ty
5. Quản trị rủi ro

F. Phát triển bền vững

1. Mục tiêu phát triển bền vững
2. Đánh giá của BGD
3. Các chỉ tiêu phát triển bền vững

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế
Tên viết tắt	HueWACO
Tên Tiếng Anh	Thua Thien Hue Water Supply Joint Stock Company
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	3300101491
Vốn điều lệ	876.000.000.000 đồng
Địa chỉ	103 Bùi Thị Xuân - Phường Đức - TP Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế
Số điện thoại	0234.3815555
Số fax	0234.3826580
Email	info@huewaco.com.vn
Website	www.huewaco.com.vn
Mã cổ phiếu	HWS
Logo	
Khối lượng CP đang niêm yết	87.600.000 cổ phiếu

2. Quá trình hình thành và phát triển

Thời điểm/Giai đoạn	Sự kiện
Năm 1909	Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế tiền thân là Nhà máy nước Huế được thành lập vào năm 1909. Quy mô ban đầu của hệ thống cấp nước do Nhà máy nước Huế quản lý bao gồm: Trạm bơm cấp I Vạn Niên nằm ở tả ngạn thượng nguồn sông Hương; bể chứa, lắng, lọc đặt ở đồi Quảng Tế. Công suất thiết kế đạt 2.500m ³ /ngđ; với tổng chiều dài đường ống mạng phân phối từ D50 - D400 khoảng 15km, trong đó có 1,7km ống D400, chủ yếu cung cấp nước các công sở, người Pháp và một số công chức người Việt

	Nam và các gia đình giàu có lúc bấy giờ.
Giai đoạn 1909 - 1925	Công suất cung cấp nước thời kỳ này đạt 2.500 m ³ /ng.đ; với tổng chiều dài đường ống khoảng 15km.
Giai đoạn 1926 – 1945	Cuối năm 1925 đầu năm 1926, Nhà máy được nâng cấp và mở rộng, lắp đặt thêm 20km ống gang từ D50 đến D300, nâng tổng số chiều dài đường ống phân phối lên 54km và nâng công suất cấp nước lên 3.700 m ³ /ng.đ.
Giai đoạn 1946 – 1975	Đây là thời kỳ Nhà máy nước không phát triển nhiều, thậm chí có lúc sản xuất bị đình trệ do hậu quả của chiến tranh. Năm 1956 nhà máy nước Dã Viên được xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng cung cấp nước cho thành phố, công suất thiết kế 9.600 m ³ /ngày đêm. Hệ thống đường ống được mở rộng thêm nâng tổng số đường ống lên 57km từ D50 - D400, đến năm 1975 sản lượng nước thương phẩm đạt 1,8 triệu m ³ /năm, với 5.121 điểm đầu nổi chính.
Giai đoạn 1976 – 1992	Sau năm 1975, nhà máy nước Huế trong tình trạng máy móc thiết bị cũ kỹ, công nghệ lạc hậu và bị hư hỏng nặng. Để khắc phục hậu quả của chiến tranh, với ý chí và tinh thần tự lực, tự cường, lãnh đạo đơn vị đã khôi phục, cải tạo nhà máy nước Vạn Niên, trạm bơm Dã Viên và khu xử lý nước Quảng Tế, thi công 58 km đường ống cấp nước, đưa nước sạch cung cấp cho nhà máy sợi Thủy Dương, nhà máy Đông lạnh Sông Hương... nâng tổng công suất khai thác từ 9.600 m ³ /ng.đ (năm 1976) lên 30.000 m ³ /ng.đ (năm 1990). Sản lượng nước thương phẩm tăng từ 1,8 triệu m ³ (năm 1976) lên 5 triệu m ³ (năm 1990), tuy vậy, diện bao phủ còn thấp chỉ mới cấp được 32% dân số của thành phố Huế, 15% dân số so với toàn tỉnh, hầu hết, đường ống cấp nước đã quá hạn nên chất lượng nước không đảm bảo, tỷ lệ thất thoát trên 45%.
Giai đoạn 1993 – 2003	Được sự tài trợ và vay vốn của Chính phủ Pháp và vốn đối ứng trong nước, Công ty đã mở rộng hệ thống cấp nước Huế, xây dựng một nhà máy xử lý nước mới 27.500m ³ /ng.đ (giai đoạn I tại Quảng Tế II), trạm bơm Vạn Niên II có công suất 120.000m ³ /ng.đ, lắp đặt thêm 170 km đường ống gang dẻo của Pháp, là đơn vị điển hình toàn quốc về sử dụng vốn ODA. Cải tạo và nâng cấp nhà máy Dã Viên 12.000 m ³ /ngày đêm, nhà máy Quảng Tế 1 từ 20.000 m ³ lên 30.000 m ³ /ng.đ, Năm 2003: Tuyến ống cấp nước sạch đã đến trung tâm của 71/150 phường xã trên toàn tỉnh, cấp được nước máy cho 373.028 người, đạt tỷ lệ 33,8% so với dân số toàn tỉnh, riêng thành phố Huế đạt 87%.
Giai đoạn 2004 – 2014	Năm 2004, nhân kỷ niệm 95 năm thành lập, Công ty đã thực hiện thành công dự án nâng cấp nhà máy Tứ Hạ từ 4.000 lên 12.000m ³ /ngày đêm. Trong năm này, Công ty áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 (năm 2004). Năm 2007 là đơn vị đầu tiên ngành nước được chứng nhận phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc gia ISO/IEC 17025, Năm 2014 đón nhận chứng chỉ ISO 14.001 về môi trường.

	<p>Tháng 12/2005: Theo Quyết định số 3979/QĐ-UBND của UBND tỉnh, Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế được đổi thành Công ty TNHH NNMTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. Tháng 6/2005 Công ty đưa dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Hòa Bình Chương (giai đoạn 1) vào hoạt động cấp nước cho 3 Xã Phong Hòa, Phong Bình và Phong Chương.</p>
	<p>Năm 2009: Kỷ niệm 100 năm thành lập, Công ty đã thực hiện thành công dự án Quảng Tế 2 nâng công suất từ 27.500m³/ngày đêm lên 82.500m³/ngày đêm. Đồng thời, Công ty đã đón nhận Huân chương độc lập hạng Nhì, công bố cấp nước an toàn trên toàn tỉnh, được Tổ chức Y tế thế giới công nhận là đơn vị đầu tiên công bố cấp nước an toàn tại Việt Nam. Năm 2012, Công ty xây dựng và đưa vào vận hành Nhà máy Lộc An, Lộc Trì với công nghệ tiên tiến, hiện đại cấp nước cho Thị trấn Phú Lộc và 5 xã phụ cận.</p>
	<p>Năm 2014: Công ty tổ chức kỷ niệm 105 năm thành lập, 5 năm công bố cấp nước an toàn, 10 năm thành lập Xí nghiệp NUĐC Bạch Mã, công bố ISO 14001 và ký hiệp định vay phụ 35,16 triệu USD với ADB và Bộ Tài chính, đồng thời khánh thành nhà máy nước Phong Thu là nhà máy an toàn và ngon đầu tiên của Công ty.</p>
<p>Giai đoạn 2016-2020</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày 21/10/2016, UBND Thừa Thiên Huế đã ra quyết định số 2510/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Ngày 19/12/2016: Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế và chính thức hoạt động theo mô hình công ty CP vào ngày 01/1/2017. - Ngày 21/12/2017, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 232/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 87.600.000 cổ phiếu. - 2018: Công ty chính thức đưa 87,6 triệu cổ phiếu của HueWACO vào giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là HWS với mức giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 10.700 đồng/ cổ phiếu. - 2019: Nhân kỷ niệm 110 năm thành lập, khánh thành dự án ADB đưa vào sử dụng 700 km đường ống từ DN50-DN1200; mở rộng cấp nước cho 31 phường xã, trong đó có 8 xã mới, tăng áp lực nước trên toàn mạng từ lên 2.0-2.5 kg/cm², giúp cho trên 260.000 đầu nôi gần 1 triệu dân (82% toàn tỉnh) được hưởng lợi. - 2020: HueWACO khởi công dự án NM Thượng Long công suất 2.000m³/ngày đêm và mạng lưới cấp nước sạch D50- D225 các xã Thượng Long, Thượng Quảng và Hương Giang; tháng 9-11/2020, HueWACO đã hoàn thành đấu thầu và chấm thầu dự án NM XLNS Vạn Niên công suất 120.000m³/ngày đêm. Đây là dự án quan trọng mang tính chiến lược, sau khi hoàn thành sẽ cấp nước an toàn và ngon cho hơn 810.000 dân thành phố Huế và vùng phụ cận.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

❖ Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai, sản xuất nước uống Linh Chi.
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh nước uống tinh khiết đóng chai, kinh doanh nước uống Linh Chi.
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, vật tư thiết bị ngành nước.
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh sản phẩm gia công cơ khí, máy móc, vật tư thiết bị ngành nước.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Lập dự án đầu tư các công trình thoát nước đô thị và nông thôn.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
 - + Thiết kế các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn.
 - + Tư vấn các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
 - + Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
 - + Tư vấn chuyển giao kỹ thuật giảm thiểu nước không doanh thu
 - + Tư vấn chuyển giao công nghệ xử lý nước
 - + Tư vấn chuyển giao các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực cấp nước.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước đô thị và nông thôn. Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

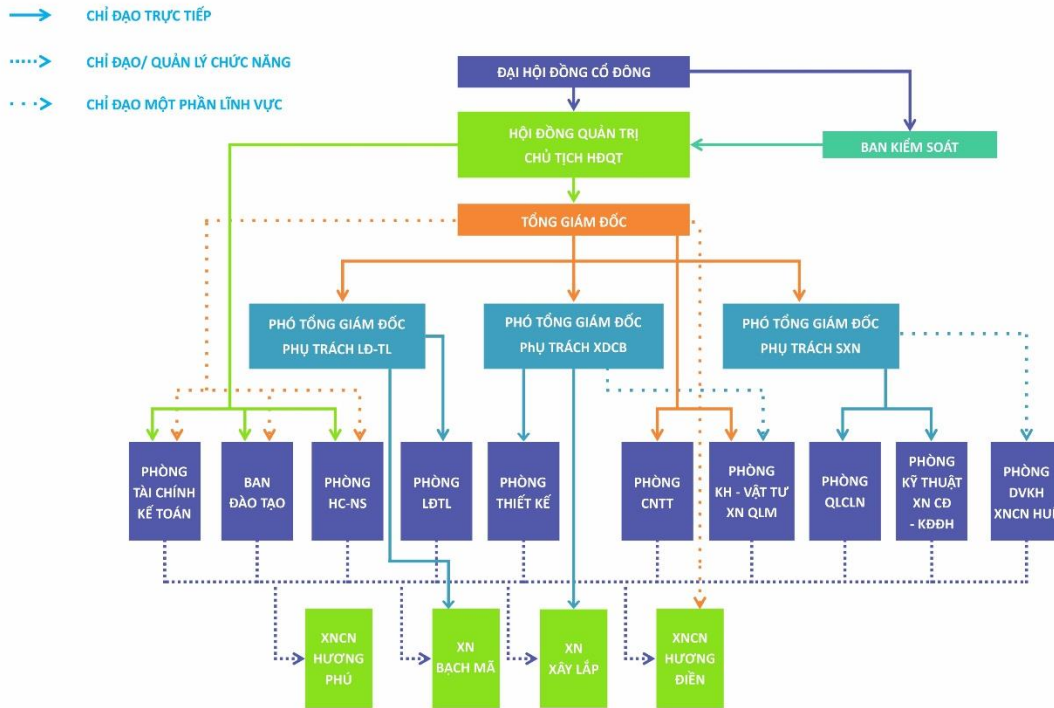
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn. Tư vấn, chuyển giao cấp nước an toàn.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị phương tiện phục vụ thi công các công trình cấp thoát nước.
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: xây dựng công nghệ thông tin trong lĩnh vực cấp thoát nước.
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo công nghệ xử lý nước.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy của đồng hồ đo nước lạnh.

❖ Địa bàn kinh doanh: Cung cấp nước cho toàn tỉnh Thừa Thiên Huế

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Mô hình quản trị và Sơ đồ bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY HueWACO



- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ quyết định. Hội đồng quản trị xây dựng định hướng, chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế bầu, Hội đồng quản trị hiện tại gồm 07 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị và 06 thành viên. Hội đồng quản trị có các trách nhiệm chính như sau:

- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý của công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức và quyết định mức lương của cán bộ quản lý của Công ty.

-
- **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ của Công ty bầu. Hiện tại, Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm, Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trách nhiệm chính của Ban Kiểm soát là kiểm tra tính hợp lý, tính hợp pháp của các hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty.
 - **Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó tổng Giám đốc đều do HĐQT bổ nhiệm. Hiện tại, Công ty có 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó tổng Giám đốc, các thành viên đều tham gia làm việc toàn thời gian cho Công ty.

Trách nhiệm chính của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc là:

- Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ.
 - Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, quyết định mức lương, lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, ngoại trừ những chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hàng năm và thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.
- **Các phòng ban chuyên môn:** Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cán bộ phụ trách các phòng ban nghiệp vụ do Tổng Giám đốc quyết định theo phân cấp được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Các phòng ban chức năng bao gồm:

- Phòng Tổ chức- Hành chính
- Phòng Quản lý Chất lượng nước
- Phòng Tài chính – Kế toán
- Phòng Lao động- tiền lương
- Phòng Thiết kế
- Phòng Công nghệ thông tin
- Ban Đào tạo

- *Các Xí nghiệp*

- Xí nghiệp Quản lý mạng
- Xí nghiệp Cấp nước Huế
- Xí nghiệp Cấp nước Hương Điền
- Xí nghiệp Cấp nước Hương Phú
- Xí nghiệp Bạch Mã
- Xí nghiệp Xây lắp
- Xí nghiệp Cơ điện & Kiểm định đồng hồ

❖ **Các công ty con, công ty liên kết: Không có**

5. Giới thiệu Ban lãnh đạo

- Giới thiệu HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Trương Công Nam	CT HĐQT	Sở hữu cá nhân: 296.800 cổ phần	0,34%
			Sở hữu đại diện: 31.278.300 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	35,71%
2	Ông Trương Công Hân	TV HĐQT; Tổng Giám đốc	Sở hữu cá nhân: 69.300 cổ phần	0,08%
			Sở hữu đại diện: 11.652.700 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	13,30%
3	Ông Trần Văn Thọ	TV HĐQT; Phó TGĐ	Sở hữu cá nhân: 134.900 cổ phần	0,15%
			Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	7,00%
4	Ông Dương Quý Dương	TV HĐQT; Phó TGĐ	Sở hữu cá nhân: 45.200 cổ phần	0,05%
			Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	7,00%
5	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	TV HĐQT; Phó TGĐ	Sở hữu cá nhân: 68.700 cổ phần	0,08%
6	Ông Trương Minh Châu	TV HĐQT; Kế toán trưởng	Sở hữu cá nhân: 65.900 cổ phần	0,08%
			Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	7,00%
7	Ông Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT	Sở hữu đại diện: 10.090.909 cổ phần (Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai)	11,52%

✓ Ông Trương Công Nam – Chủ tịch HĐQT

1. Họ và tên	Trương Công Nam
2. Năm sinh	20/08/1961

3. Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ quản trị kinh doanh Đại học Kinh tế Huế
4. Chức vụ tại Công ty	Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước TT. Huế
5. Chức vụ tại các công ty khác	Không có
6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 296.800 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 31.278.300 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)
7. Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 07/1979 – 09/1983: Ủy viên Ban chấp hành Đoàn thanh niên Đồn biên phòng 144 Bình Trị Thiên. - Từ 10/1983 – 08/1987: Tổ trưởng tổ Đảng – Sinh viên trường đại học tổng hợp Huế. - Từ 09/1987 – 12/1992: Bí thư Đoàn Thanh niên Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/1993 – 08/1996: Phó Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế kiêm chủ tịch Công đoàn. - Từ 08/1996 – 11/2005: Phó Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế kiêm Bí thư chi bộ. - Từ 12/2005 – 12/2016: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/2017 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế

✓ Ông Trương Công Hân – TV HĐQT, TGD

1. Họ và tên	Trương Công Hân
2. Năm sinh	30/05/1982
3. Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ quản trị kinh doanh Đại học Kinh tế Huế; Kỹ sư cấp thoát nước
4. Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế.
5. Chức vụ tại các công ty khác	Không có

6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 69.300 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 11.652.700 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)
7. Quá trình công tác	<p>- Từ 07/2004 – 05/2006: Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 06/2007 – 09/2008: Phó Phòng Kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 10/2008 – 05/2010: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 06/2010 – 11/2014: Phó bí thư Đảng ủy (nhiệm kỳ 2010 – 2015); Ủy viên BCH Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam; Đại biểu HĐND thành phố Huế nhiệm kỳ 2011 – 2016.</p> <p>- Từ 12/2014 – 12/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT.Huế.</p> <p>- Từ 01/2017 – nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p>

✓ Ông Trần Văn Thọ – TV HĐQT, P. TGD

1. Họ và tên	Trần Văn Thọ
2. Năm sinh	25/09/1980
3. Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản lý kinh tế, Kỹ sư cấp thoát nước
4. Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế.
5. Chức vụ tại các công ty khác	Không có
6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 134.900 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)
7. Quá trình công tác	- Từ 10/2002 – 03/2003: Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.

	<p>- Từ 04/2003 – 03/2004: Nhân viên phòng Thiết kế Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 12/2007 – 12/2008: Trưởng phòng thiết kế Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 12/2008 – 12/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 01/2017 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p>
--	---

✓ Ông Dương Quý Dương – TV HĐQT, P. TGD

1. Họ và tên	Dương Quý Dương
2. Năm sinh	22/10/1978
3. Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh Đại học Kinh tế Huế
4. Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế.
5. Chức vụ tại các công ty khác	Không có
6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 45.200 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)
7. Quá trình công tác	<p>- Từ 10/2000 – 11/2003: Nhân viên phòng Tổ chức – Hành chính Công ty cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 12/2003 – 12/2007: Phó phòng Hành chính – Pháp chế Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 01/2008 – 02/2011: Phó phòng lao động tiền lương Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 03/2011 – 09/2014: Trưởng phòng Lao động tiền lương Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 10/2014 – 12/2016: Trưởng phòng Đào tạo phát triển nguồn nhân lực Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p>

	<p>- Từ 01/2017 – 12/2017: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng phòng Đào tạo phát triển nguồn nhân lực CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 01/2018 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p>
--	---

✓ Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – TV HĐQT, P. TGD

1. Họ và tên	Nguyễn Mạnh Tuấn
2. Năm sinh	10/10/1962
3. Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện kỹ thuật Đại học Bách khoa Đà Nẵng
4. Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế.
5. Chức vụ tại các công ty khác	Không có
6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 68.700 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
7. Quá trình công tác	<p>- Từ 07/1986 – 07/1987: Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Dệt Phú Xuân.</p> <p>- Từ 07/1987 – 05/1988: Phân xưởng trưởng Phân xưởng điện Xí nghiệp Dệt Phú Xuân.</p> <p>- Từ 05/1988 – 07/1989: Quản đốc Phân xưởng cơ điện Xí nghiệp Dệt Phú Xuân.</p> <p>- Từ 08/1989 – 08/1994: Nhân viên phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 09/1994 – 12/1999: Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật - vật tư Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 01/2000 – 12/2005: Phó Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 12/2005 – 12/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước MTV Xây dựng và Cấp nước TT.Huế</p> <p>- Từ 01/2017 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p>

✓ Ông Trương Minh Châu – TV HĐQT, Kế toán trưởng

1. Họ và tên	Trương Minh Châu
2. Năm sinh	31/10/1977
3. Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng, Cử nhân kế toán Đại học Kinh tế Huế
4. Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế.
5. Chức vụ tại các công ty khác	Không có
6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 65.900 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần
7. Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 10/1999 – 09/2008: Nhân viên kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 10/2008 – 12/2009: Phó phòng Kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/2010 – 08/2012: Phó phòng Kế toán kiêm Kế toán tổng hợp Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 09/2012 – 12/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/2017 – nay: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế.

✓ Ông Vũ Anh Tuấn – TV HĐQT

1. Họ và tên	Vũ Anh Tuấn
2. Năm sinh	18/12/1975
3. Trình độ chuyên môn	Cử nhân Xây dựng dân dụng và công nghiệp- Đại học Xây dựng Hà Nội,
4. Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT
5. Chức vụ tại các công ty khác	Giám đốc CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An

6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 10.090.909 cổ phần
7. Quá trình công tác	<p>- Từ 1997 – 2008: Cán bộ Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam.</p> <p>- Từ 2008 – 2015: Phó Giám đốc Công ty Sông Đà Thăng Long</p> <p>- Từ 2015 – nay: Giám đốc CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An.</p> <p>- Từ 01/2017 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế, Giám đốc CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An.</p>

- Giới thiệu BKS

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Liên Ngọc	Trưởng BKS	Sở hữu cá nhân: 101.700	0,12%
2	Bà Nguyễn Ái Minh	TV BKS	Sở hữu cá nhân: 15.000	0,02%
3	Bà Nguyễn Thị Trang	TV BKS	Sở hữu đại diện: 2.293.018 (Công ty TNHH Cơ điện Hawaco)	2,62%

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
1	Bà Nguyễn Thị Liên Ngọc	30/07/1978	Trưởng BKS	Không có	Thạc sỹ Quản lý kinh tế; Cử nhân kinh tế trường Đại học Kinh tế Huế; Cử nhân khoa học trường	<p>- Từ 08/2000 – 08/2001: Nhân viên phòng kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 09/2001 – 01/2006: Nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p>

					Đại học Khoa học Huế	<p>- Từ 02/2006 – 03/2007: Nhân viên xí nghiệp xây dựng cơ bản Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 04/2007 – 11/2011: Nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 12/2012 – 12/2016: Đảng ủy viên, Kiểm soát viên Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 01/2017 – nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p>
2	Bà Nguyễn Ái Minh	09/04/1988	TV BKS	Không có	Cử nhân kế toán - tài chính Đại học Kinh tế Huế	<p>- Từ 10/2010 – 12/2016: Nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 01/2017 – nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p>
3	Bà Nguyễn Thị Trang	07/9/1984	TV BKS	Giám đốc Công ty TNHH Cơ điện Hawaco	Kỹ sư kinh tế giao thông	

- Giới thiệu Ban điều hành (Trích ngang như trên HĐQT)

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Trương Công Hân	Tổng giám đốc
2	Ông Trần Văn Thọ	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Dương Quý Dương	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
5	Ông Trương Minh Châu	Kế toán trưởng

- Những thay đổi trong Ban lãnh đạo:** Ông Vũ Xuân Thúc từ nhiệm chức vụ thành viên BKS kể từ ngày 11/10/2019 theo số CV số 27-2019/HAWACO M&E. Công ty bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát là Bà Nguyễn Thị Trang tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

6. Định hướng phát triển

- Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD chính trong kế hoạch 2021 đã được Công ty thông qua.
- Lấy khách hàng làm trung tâm, không ngừng nâng cao chất lượng DVKH, đặc biệt tạo dựng “Hệ sinh thái chăm sóc khách hàng” mang đến nhiều dịch vụ tiện ích nhất cho khách hàng, tiến đến dịch vụ hoàn hảo.
- Duy trì cấp nước an toàn, tiến đến cấp nước an toàn và ngon, chất lượng nước ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới
- Tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty và cuộc CMCN 4.0.
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D)
- Tăng cường áp dụng, cải tiến máy móc thiết bị; đổi mới, cải tiến công nghệ - kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu suất hoạt động.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý tài sản.
- Kiểm tra, đánh giá kịp thời nhằm khắc phục những mặt còn tồn tại.

7. Các rủi ro

- Giá bán nước sạch của Công ty do UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định theo lộ trình 3 năm 2016-2018, tuy nhiên đến nay vẫn chưa được thẩm định phê duyệt giá nước mới giai đoạn 2019- 2022, trong khi giá các nguyên liệu, vật tư đầu vào không ổn định, liên tục tăng hàng năm. Do vậy, việc tăng giá nguyên vật liệu sử dụng đột biến ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.
- Địa bàn cấp nước rộng lớn, bao gồm cả đô thị, nông thôn, các khu vực bãi ngang, đầm phá ven biển và miền núi. Do vậy, khó khăn trong công tác quản lý, giảm tỷ lệ nước không doanh thu. Đồng thời, cần nguồn vốn đầu tư lớn để duy trì, bảo dưỡng hệ thống.
- Các công trình cấp nước nông thôn tiếp nhận hầu hết đã xuống cấp nghiêm trọng, để đảm bảo hoạt động đồng bộ và có hiệu quả cần nguồn vốn đầu tư lớn để nâng cấp, cải tạo, đảm bảo cấp nước an toàn.
- Ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa, và sự chùng chèo trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, viễn thông... gây nguy cơ vỡ đường ống.
- Tình trạng xả thải do ý thức của người dân về môi trường chưa cao ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước.
- Tình trạng biến đổi khí hậu đã gây nên các hiện tượng cực đoan, nắng nóng kéo dài bất thường làm chất lượng nguồn nước suy giảm và xâm nhập mặn; mưa lớn nhiều tháng liền, lạnh sâu và bão lũ lớn với tần suất ngày càng tăng, trong khi cơ sở hạ tầng vẫn chưa đảm bảo, nhiều nhà máy đã được đầu tư gần 115 năm hiện đã quá cũ, công suất thiếu, bể chứa nhỏ, không đảm bảo dự phòng để cấp nước khi xảy ra sự cố về điện lưới... nên việc duy trì an ninh nước là rất mong manh, nguy cơ rủi ro cao.
- Ngoài ra, còn các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, động đất, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, Thừa Thiên Huế là địa phương phải đối mặt với khó khăn "kép" do dịch bệnh và thiên tai diễn ra liên tục trong nhiều tháng, Trong bối cảnh khó khăn chung, HueWACO cũng chịu nhiều tác động, ảnh hưởng đến hoạt động SXKD. Tuy vậy, Công ty đã không ngừng nỗ lực vượt khó, hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã đề ra.

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	KH 2020	TH 2020	TH/KH 2020
1	Sản lượng nước ghi thu	Tr.m3	52,02	53,58	54,39	101,52%
2	Tổng doanh thu + thu nhập khác	Tỷ đồng	582,12	553,10	585,92	105,93%
	- Doanh thu nước sạch	Tỷ đồng	524,73	514,05	519,78	101,11%
	- Doanh thu khác	Tỷ đồng	57,39	39,05	66,14	169,37%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	102,10	87,53	119,27	136,26%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	81,68	70,02	95,38	136,21%
5	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.820,78	1.917,81	1.943,16	101,32%
6	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	876,00	876,00	876,00	100,00%
7	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	139,95	122,62	160,20	130,64%

❖ Kết quả kinh doanh qua các năm

Bảng chỉ tiêu kết quả kinh doanh giai đoạn 2017- 2020

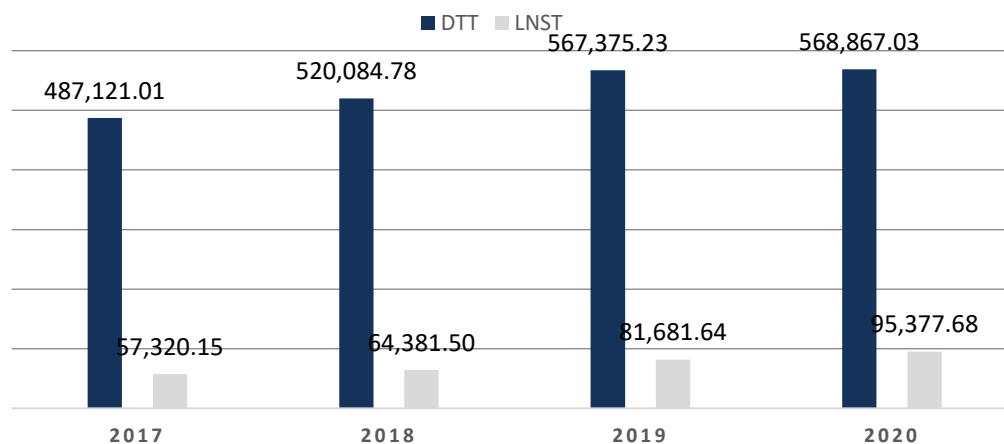
Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2020/2019 (%)	CAGR 2017-2020(%)
Doanh thu thuần	Trđ	487.121,01	520.084,78	567.375,23	568.867,03	100,26	5,59%
Giá vốn hàng bán	Trđ	375.811,54	397.522,72	399.078,00	391.641,90	98,14	1,40%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	71.866,41	80.502,70	102.102,05	119.270,95	116,82	21,99%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	57.320,15	64.381,50	81.681,64	95.377,68	116,77	22,13%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2017, 2018, 2019, 2020 của HueWACO

Trong giai đoạn từ 2017-2020, doanh thu thuần của Công ty có xu hướng tăng và có mức tăng trưởng bình quân đạt 5,59%, tuy năm 2020 chỉ tăng nhẹ so với năm trước trong bối cảnh dịch bệnh như hiện nay thì đây là cả một sự cố gắng nỗ lực của ban lãnh đạo và CNCNV Công ty. Do doanh thu thuần tăng nên kéo theo giá vốn hàng bán của công ty cũng tăng lên tương ứng, tuy nhiên mức tăng trưởng bình quân hàng năm chỉ đạt 1,4%, chậm hơn so với doanh thu, cho thấy hiệu quả trong việc tiết kiệm chi phí của công ty. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của công ty trong giai đoạn qua có mức tăng trưởng cao với mức tăng trưởng bình quân lần lượt là 21,99% và 22,13%. Mặc dù do tác động dịch bệnh đến

các ngành kinh doanh, dịch vụ, sản xuất làm ảnh hưởng đến doanh thu nước phi sinh hoạt song trong năm doanh nghiệp phát triển được nguồn khách hàng do dự án ADB phát huy hiệu quả. Bên cạnh đó, công tác tiết giảm chi phí nhằm mục tiêu sử dụng chi phí có hiệu quả cũng mang lại kết quả tốt.

Biểu đồ Doanh thu thuần và LNST giai đoạn 2017 - 2020



❖ **Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận**

- Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận theo sản phẩm

STT	Chỉ tiêu	2019		2020		Tăng giảm	
		Doanh thu	Lãi gộp	Doanh thu	Lãi gộp	Doanh thu	Lãi gộp
1	Hoạt động sản xuất kinh doanh nước	524,73	160,01	519,78	174,23	-4,95	14,22
2	Hoạt động khác	42,65	8,29	49,09	3,00	6,44	-5,29
	Tổng	567,38	168,30	568,87	177,23	1,49	8,93

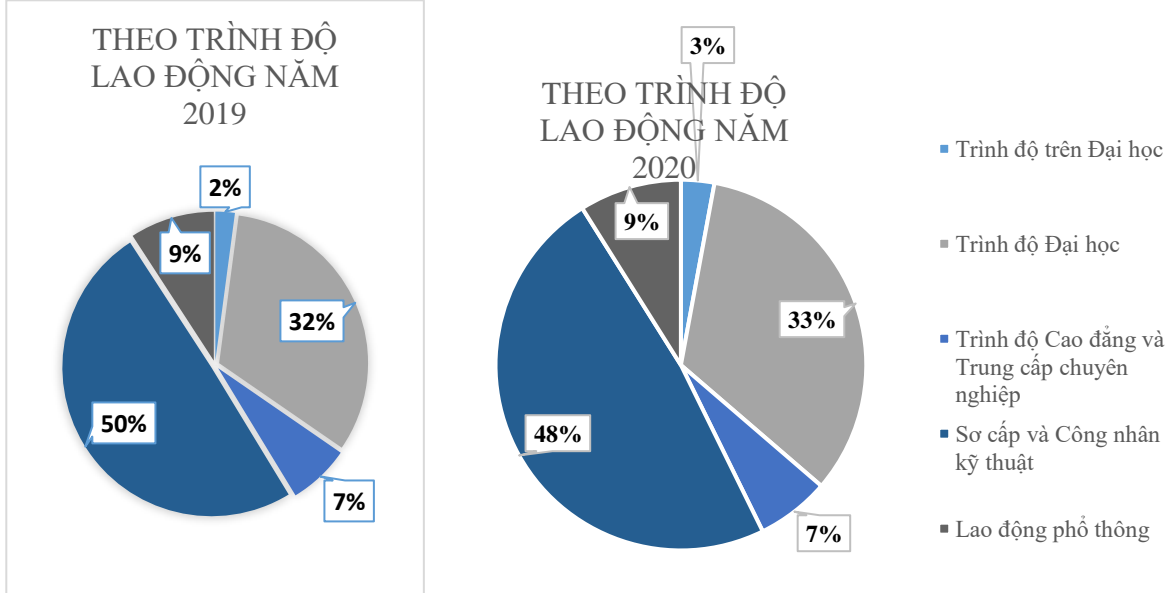
2. Tổ chức và nhân sự

❖ **Nhân sự và chính sách nhân sự**

- Số lượng nhân sự:

TT	Tiêu chí	Số lượng 2019 (người)	Số lượng 2020 (người)	Tỷ trọng 2020 (%)
I	Theo trình độ lao động			
1	Trình độ trên Đại học	11	15	36.36
2	Trình độ Đại học	170	172	1.18
3	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp	35	33	-5.71
4	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	259	249	-3.86

TT	Tiêu chí	Số lượng 2019 (người)	Số lượng 2020 (người)	Tỷ trọng 2020 (%)
5	Lao động phổ thông	48	46	-4.17
II	Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	376	336	-10.64
2	Lao động gián tiếp	147	179	21.77
III	Theo giới tính			
1	Nam	394	388	-1.52
2	Nữ	129	127	-1.55
IV	Theo độ tuổi			
1	Dưới 25	6	5	-16.67
2	Từ 25-35	154	155	0.65
3	Trên 35	363	355	-2.20
V	Theo thời gian làm việc tại công ty			
1	Từ 0-2 năm	43	14	-67.44
2	Từ 2-5 năm	53	35	-33.96
3	Từ 5-10 năm	134	98	-26.87
4	Trên 10 năm	293	368	25.60
Tổng cộng		523	515	-1.53



❖ **Chính sách nhân sự:**

- *Chính sách tuyển dụng:* Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, yêu cầu công việc, vị trí việc làm, Công ty lập kế hoạch tuyển dụng nhân sự với những tiêu chí khác nhau để đảm bảo công tác tuyển dụng lao động đáp ứng yêu cầu công việc phù hợp với định hướng, nhu cầu phát triển của Công ty.
- *Chế độ làm việc:* Công ty thực hiện chế độ làm việc 8h/ngày; 40 giờ/ tuần.
- *Chính sách trả lương:* Việc trả lương được thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty theo 3P (P1: vị trí công tác, P2: năng lực, P3: kết quả hoàn thành công việc). Kế hoạch cụ thể về quỹ lương sẽ do Hội đồng xét duyệt tiền lương của Công ty quyết định trên cơ sở kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu về lao động sử dụng, doanh thu, lợi nhuận đảm bảo công bằng, hợp lý, đúng quy định Công ty và theo chế độ Nhà nước nhằm khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.
- *Chính sách khen thưởng:* Căn cứ quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh. Công ty có chế độ khen thưởng phù hợp để khuyến khích CBCNV, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính.
- *Phúc lợi của người lao động:* Công ty thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của chế độ chính sách nhà nước. Trong năm giải quyết chế độ phụ cấp độc hại, bồi dưỡng hiện vật cho CBCNV-LĐ làm việc ở những khu vực và mang tính chất độc hại (phụ cấp 10% lương, phụ cấp thêm 4.000 đồng/người/ngày và bồi dưỡng hiện vật bằng sữa). Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV-LĐ.

3. Tình hình tài chính

❖ **Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.820.778,26	1.943.160,96	6,72
Doanh thu thuần	Triệu đồng	567.375,23	568.867,03	0,26
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	102.050,83	119.208,64	16,81
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	51,22	62,32	21,67
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	102.102,05	119.270,95	16,82
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	81.681,64	95.377,68	16,77

❖ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	Tăng/giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,46	1,29	-0,17
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,30	1,16	-0,14
- Hệ số thanh toán bằng tiền	lần	0,12	0,38	0,26
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	47,49%	50,12%	2,63%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	90,43%	100,49%	10,05%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	7,77	7,47	-0,30
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,31	0,29	-0,02
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	14,40%	16,77%	2,37%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	9,32%	10,89%	1,56%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	4,49%	4,91%	0,42%

Các chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	Tăng/giảm
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	17,99%	20,96%	2,97%

- Về các chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Ta thấy hệ số thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp năm 2019 và 2020 lần lượt là 1,46 và 1,29 lần. Hệ số thanh toán ngắn hạn thể hiện một đồng nợ ngắn hạn của doanh nghiệp được đảm bảo bởi bao nhiêu đồng tài sản ngắn hạn. Trong 2 năm, hệ số này của doanh nghiệp đều ở mức lớn hơn 1 từ đó cho thấy sự an toàn và ổn định về tài chính của doanh nghiệp khi doanh nghiệp có khả năng chi trả các khoản nợ ngắn hạn cao. Tiếp đến, hệ số thanh toán nhanh của doanh nghiệp cũng ở mức an toàn, năm 2019 hệ số này là 1,3 lần và giảm nhẹ còn 1,16 lần trong năm 2020, giảm 0,14 lần. Hệ số này thể hiện sự đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp bằng tài sản ngắn hạn sau khi đã loại bỏ đi chi tiêu hàng tồn kho có mức thanh khoản thấp hơn. Vì vậy hệ số này giúp doanh nghiệp đánh giá tốt hơn trong trường hợp việc tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Ta thấy hệ số này của doanh nghiệp cũng ở mức cao và lớn hơn một cho thấy doanh nghiệp có khả năng chi trả các khoản nợ tốt, tình hình tài chính khá an toàn và phòng đáp ứng được việc thanh toán các khoản nợ ngay cả khi thị trường gặp khó khăn.
- Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Ta thấy doanh nghiệp có hệ số nợ và hệ số vốn chủ sở hữu tương đối cân bằng, khi hệ số nợ của doanh nghiệp ở mức 47,49% năm 2019 và tăng nhẹ lên 50,12% năm 2020. Trong năm 2020, có thể thấy doanh nghiệp có xu hướng huy động thêm từ nguồn vốn nợ. Tuy nhiên có thể thấy doanh nghiệp có khả năng thanh toán khá tốt nên việc huy động thêm vốn nợ có thể giúp tiết kiệm chi phí sử dụng vốn do chi phí sử dụng vốn nợ thấp hơn so với chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu, mà không làm gia tăng quá lớn rủi ro về thanh toán cho công ty. Đồng thời kết hợp với việc trong năm doanh nghiệp làm ăn kinh doanh có lãi thì việc tăng sử dụng vốn nợ sẽ giúp doanh nghiệp tận dụng được lợi thế về đòn bẩy tài chính.
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Ta thấy vòng quay hàng tồn kho của doanh nghiệp có sự giảm nhẹ trong năm 2020 từ 7,77 vòng năm 2019 chỉ còn 7,47 vòng. Vòng quay hàng tồn kho càng lớn thì càng có lợi cho doanh nghiệp do rút ngắn được kì luân chuyển hàng tồn kho trong năm, việc tiêu thụ sản phẩm của công ty gặp thuận lợi. Tuy nhiên trong năm vòng quay giảm nhẹ là vô cùng dễ hiểu do tình hình kinh tế gặp khó khăn chung do dịch bệnh. Trong năm, chỉ tiêu doanh thu thuần trên tổng tài sản của doanh nghiệp cũng giảm nhẹ từ 0,31 vòng xuống còn 0,29 vòng.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Ta thấy trong năm, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của doanh nghiệp tăng hàng loạt chủ yếu là do lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp tăng trưởng so với năm 2019. Cụ thể, hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng từ 14,40% lên 16,77%, hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu tăng từ 17,99% lên 20,96%, Hệ số ROE tăng từ 9,32% lên 10,89%, ROA tăng từ 4,49% lên 4,91% so với năm trước. Điều này cho thấy sự khả quan trong tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm qua. Đồng thời, đây cũng là những chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lời rất được các nhà đầu tư và chủ sở hữu quan tâm.

4. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

❖ Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2020, Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế đã phát hành 87.600.000 cổ phiếu, trong đó:

+ Số cổ phiếu phổ thông: 87.600.000

+ Số cổ phiếu ưu đãi: 0

+ Số cổ phiếu đang lưu hành: 87.383.000

+ Số cổ phiếu quỹ: 217.000

❖ **Cơ cấu cổ đông**

- Bảng cơ cấu cổ đông

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước	61.330.000	70,01
2	Cổ đông sáng lập	0	0
	- Trong nước	0	0
	- Nước ngoài	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu $\geq 5\%$ vốn CP)	10.090.909	11,52
	- Trong nước	10.090.909	11,52
	- Nước ngoài	0	0
4	Cổ đông khác	15.962.091	18,22
	- Trong nước	15.958.791	18,22
	- Nước ngoài	3.300	0,00
Tổng cộng		87.383.000	99,75

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	573	99,83
	- Tổ chức	4	0,70
	- Cá nhân	569	99,13
2	Cổ đông nước ngoài	1	0,17
	- Tổ chức	1	0,17

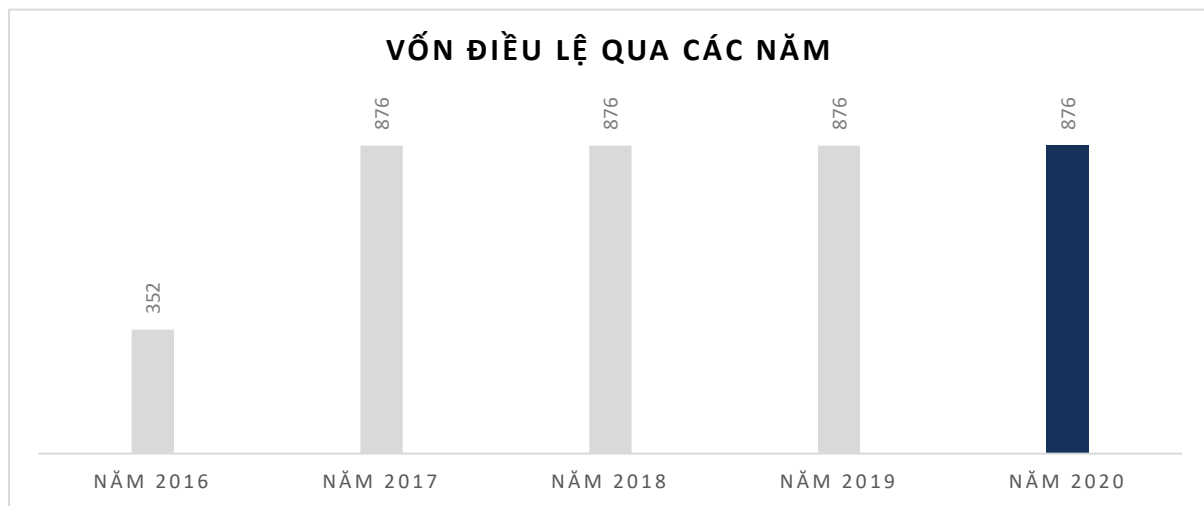
STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
	- Cá nhân	0	0,00

- Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế		Số 16 Lê Lợi, thành phố Huế	61.330.000	70,01
CTCP Nhựa Đồng Nai	3600662561	KCN Biên Hòa, Đường số 9, An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	10.090.909	11,52
Tổng cộng			71.420.909	81,53

❖ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Lịch sử tăng vốn: Kể từ thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (01/1/2017), đến nay, Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu, do đó, mức vốn điều lệ giữ nguyên là 876 tỷ đồng.



C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, Thừa Thiên Huế là địa phương phải đối mặt với khó khăn "kép" do dịch bệnh và thiên tai diễn ra liên tục trong nhiều tháng. Trong bối cảnh khó khăn chung, HueWACO cũng chịu nhiều tác động, ảnh hưởng

đến hoạt động SXKD, Tuy vậy, Công ty đã không ngừng nỗ lực vượt khó, hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã đề ra.

Trong năm, Công ty thực hiện chấp hành tốt các chế độ, chính sách, pháp luật theo quy định về lĩnh vực thuế, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện			Tăng trưởng	
			TH 2019	KH 2020	TH 2020	So với KH	So với 2019
1	Sản lượng nước ghi thu	Tr.m3	52,02	53,58	54,39	101,52%	104,56%
2	Tổng doanh thu + thu nhập khác	Tỷ đồng	582,12	553,10	585,92	105,93%	100,65%
	- Doanh thu nước sạch	Tỷ đồng	524,73	514,05	519,78	101,11%	99,06%
	- Doanh thu khác	Tỷ đồng	57,39	39,05	66,14	169,37%	115,24%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	102,10	87,53	119,27	136,26%	116,82%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	81,68	70,02	95,38	136,21%	116,77%
5	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.820,78	1.917,81	1.943,16	101,32%	106,72%
6	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	876,00	876,00	876,00	100,00%	100,00%
7	Nợ ngân sách	Tỷ đồng	139,95	122,62	160,20	130,64%	114,47%

2. Tình hình tài chính

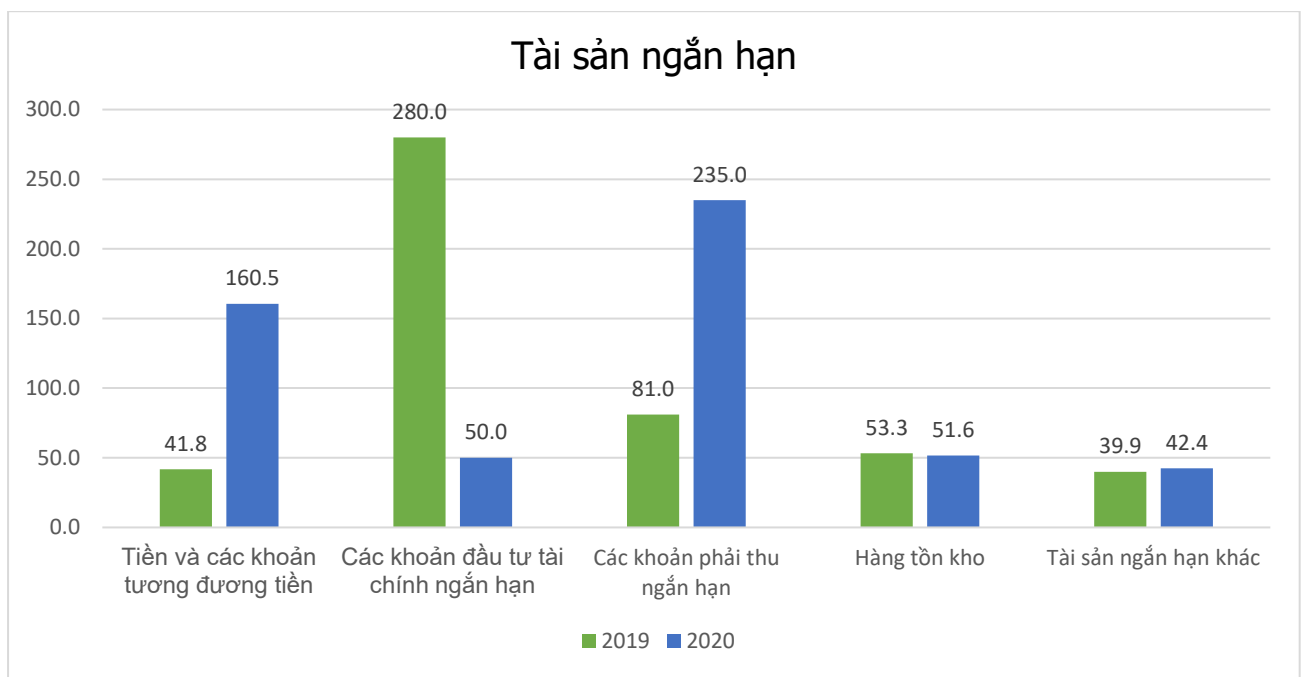
❖ Tình hình tài sản

(Đơn vị tính: đồng)

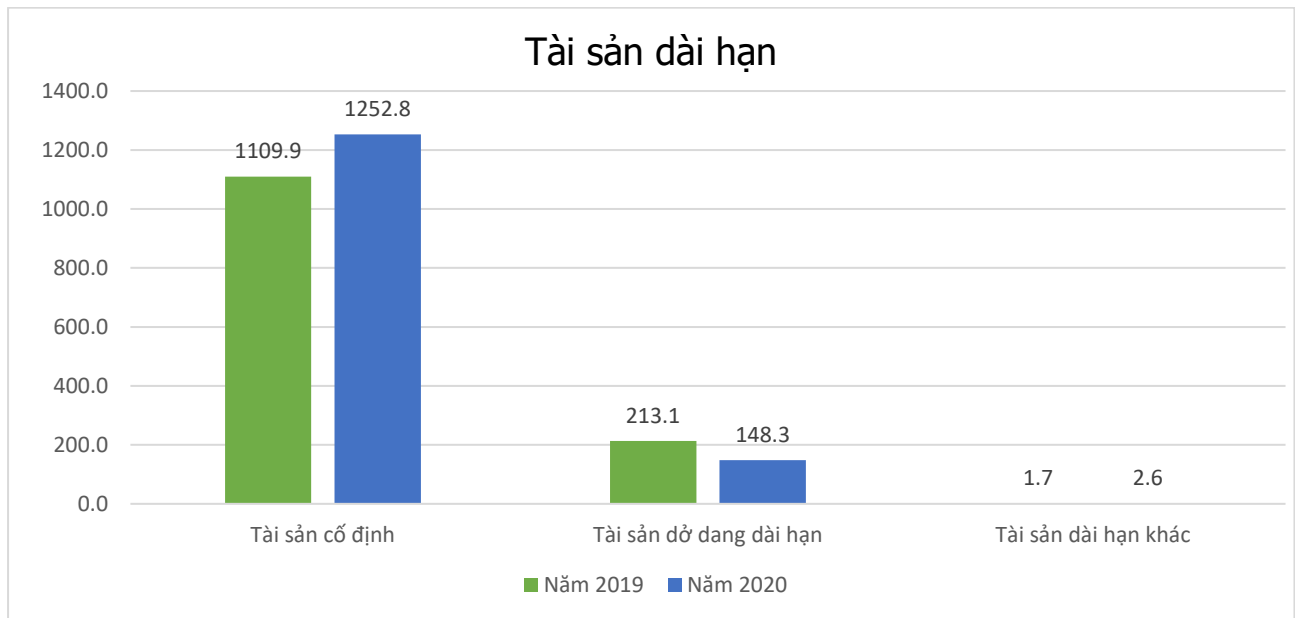
Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	Chênh lệch	
			Số tiền	%
A. Tài sản ngắn hạn	496.003.558.065	539.509.254.178	43.505.696.113	8,77
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	41.833.319.526	160.488.213.529	118.654.894.003	283,64
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	280.000.000.000	50.000.000.000	-230.000.000.000	-82,14
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	81.009.824.492	235.018.200.270	154.008.375.778	190,11

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	Chênh lệch	
			Số tiền	%
IV. Hàng tồn kho	53.289.171.905	51.637.808.492	-1.651.363.413	-3,10
V. Tài sản ngắn hạn khác	39.871.242.142	42.365.031.887	2.493.789.745	6,25
B. Tài sản dài hạn	1.324.774.703.147	1.403.651.701.706	78.876.998.559	5,95
I. Các khoản phải thu dài hạn				
II. Tài sản cố định	1.109.939.419.952	1.252.811.973.401	142.872.553.449	12,87
III. Bất động sản đầu tư				
IV. Tài sản dở dang dài hạn	213.104.949.856	148.281.325.075	-64.823.624.781	-30,42
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
VI. Tài sản dài hạn khác	1.730.333.339	2.558.403.230	828.069.891	47,86
Tổng cộng tài sản	1.820.778.261.212	1.943.160.955.884	122.382.694.672	6,72

Cuối năm 2020, tổng tài sản của doanh nghiệp đạt hơn 1.943 tỷ đồng, tăng hơn 122 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, với tỉ lệ tăng tương ứng là 6,72%. Điều đó cho thấy trong năm, công ty đã tiến hành mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó giúp tăng năng lực sản xuất và tăng khả năng cạnh tranh của mình. Tổng tài sản cuối năm tăng so với đầu năm chủ yếu là do sự tăng lên của cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Cụ thể tài sản ngắn hạn cuối năm 2020 đạt hơn 540 tỷ đồng, tăng gần 44 tỷ đồng với tỉ lệ tăng là 8,77%, còn tài sản dài hạn cuối năm là hơn 1,404 tỷ đồng, tăng 79 tỷ đồng so với đầu năm, với tỉ lệ tăng tương ứng đạt 5,95%.



Trong tài sản ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỉ trọng lớn nhất, chủ yếu là các khoản tiền gửi ngân hàng, tuy nhiên cuối năm 2020 đã có sự sụt giảm so với đầu năm, từ 280 tỷ đồng còn 50 tỷ đồng, giảm 82,14%. Điều đó cho thấy doanh nghiệp đang cơ cấu lại các tiền gửi của mình. Tiếp đến là các khoản phải thu ngắn hạn cũng chiếm tỉ trọng cao, đồng thời có dấu hiệu tăng mạnh, từ hơn 81 tỷ đồng vào thời điểm đầu năm tăng lên tới hơn 235 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2020, tăng 190,11% do công ty thực hiện ứng tiền phục vụ thi công dự án nhà máy Vạn Niên. Ngoài các chỉ tiêu trên, thì hàng tồn kho có xu hướng giảm nhẹ khoảng 3,1%, tài sản ngắn hạn khác của công ty tăng 6,25% so với đầu năm.



Đối với tài sản dài hạn, doanh nghiệp chỉ có hai khoản chính là tài sản cố định và tài sản dở dang dài hạn. Trong đó, tài sản cố định của công ty chiếm tỉ trọng chủ yếu trong cơ cấu tài sản dài hạn, và có sự tăng mạnh khi cuối năm so với đầu năm tăng từ gần 1.109,9 tỷ đồng lên hơn 1.252,8 tỷ đồng, tương đương tăng 12,87%. Có thể

thấy trong năm, doanh nghiệp đã tích cực đầu tư vào tài sản cố định của mình, trong đó chủ yếu là đầu tư vào máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của công ty, giúp tăng khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững của Công ty. Ngoài ra tài sản dở dang dài hạn giảm 64,82 tỷ tương ứng - 30,42% so với đầu năm.

❖ **Tình hình nợ phải trả**

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	Chênh lệch	
			Số tiền	%
C. Nợ phải trả	864.661.620.827	973.953.279.558	109.291.658.731	12,64
I. Nợ ngắn hạn	340.195.364.576	419.746.344.512	79.550.979.936	23,38
1. Phải trả cho người bán	95.144.209.668	138.463.486.173	43.319.276.505	45,53
2. Người mua trả tiền trước	3.551.431.878	3.123.302.915	-428.128.963	-12,06
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	12.599.488.370	10.080.300.313	-2.519.188.057	-19,99
4. Phải trả người lao động	15.320.365.033	17.071.908.525	1.751.543.492	11,43
5. Chi phí phải trả				
6. Phải trả ngắn hạn khác	164.466.693.091	161.107.261.391	-3.359.431.700	-2,04
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	27.084.730.440	64.042.442.026	36.957.711.586	136,45
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.048.380.011	10.113.646.936	3.065.266.925	43,49
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	14.980.066.085	15.743.996.233	763.930.148	5,10
II. Nợ dài hạn	524.466.256.251	554.206.935.046	29.740.678.795	5,67

Ta thấy trong năm nợ phải trả của doanh nghiệp tăng từ hơn 864.662 triệu đồng ở thời điểm đầu năm lên hơn 973.953 triệu đồng vào thời điểm cuối năm, tăng 12,64%. Nợ phải trả tăng cho thấy doanh nghiệp đang tích cực huy động vốn từ nguồn vốn nợ. Việc tăng tỷ trọng nợ phải trả lên trong điều kiện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có lãi khiến doanh nghiệp tận dụng được đòn bẩy tài chính, giúp khuếch đại tỉ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Nợ phải trả tăng là do sự tăng lên của cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn. Cụ thể nợ ngắn hạn cuối năm so với đầu năm tăng từ hơn 340.195 triệu đồng lên hơn 419.746 triệu

đồng, tăng với tỉ lệ 23,38%; nợ dài hạn tăng từ hơn 524.466 triệu đồng lên hơn 554.207 triệu đồng, tăng với tỉ lệ 5,67%.

Nợ ngắn hạn của doanh nghiệp tăng lên chủ yếu là do sự tăng lên của các khoản phải trả cho người bán với mức tăng nhanh hơn mức giảm của các chỉ tiêu khác như người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp NN, phải trả ngắn hạn khác... Khoản phải trả cho người bán là một khoản chiếm dụng vốn không tốn phí của doanh nghiệp. Việc sử dụng các khoản chiếm dụng này giúp doanh nghiệp tiết kiệm được các chi phí về vốn, có lợi cho doanh nghiệp.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, Nâng cao chất lượng của Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, kiểm tra việc thực thi công việc theo sự phân công nhiệm vụ hoặc phân cấp từ HĐQT.
- Thực hiện tái cơ cấu các bộ phận theo hướng tinh giản, hiệu quả.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì cấp nước an toàn, hướng đến cấp nước an toàn và ngon, an ninh nước, phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Nâng cao nhận thức người lao động, phát động thi đua tăng năng suất, chất lượng và cải tiến đổi mới phương pháp làm việc, phương pháp quản lý, khuyến khích người lao động đổi mới tư duy, sáng tạo, nâng cao hiệu quả làm việc.
- Không ngừng nghiên cứu, sáng tạo khoa học kỹ thuật.
- Tăng cường công tác nhân sự, phân cấp nhân sự chất lượng cao, làm tốt công tác dịch vụ khách hàng, hướng đến dịch vụ hoàn hảo.

D. BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty

Chỉ tiêu	KH 2020	Thực hiện		Tăng trưởng %	
		2020	2019	So với KH	So với 2019
Tổng doanh thu	553,10	585,92	582,12	105,93	100,65
Lợi nhuận sau thuế	70,02	95,38	81,68	136,21	116,77

Năm 2020, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra. Cụ thể, tổng doanh thu đã vượt chỉ tiêu kế hoạch 5,93%, lợi nhuận sau thuế vượt chỉ tiêu 36,21%. Có thể nói đây là một kết quả đáng tự hào trong bối cảnh nền kinh tế bị suy giảm trầm trọng bởi đại dịch Covid, khi sản lượng nước phi sinh hoạt trong năm bị giảm sút nghiêm trọng. Đồng thời trong năm qua nước ta còn phải trải qua lũ lụt nặng nề và Thừa Thiên Huế là một trong những tỉnh chịu thiệt hại lớn cả về người và tài sản, đồng thời lũ lụt cũng làm ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nước và việc cung cấp nước của Công ty cho người dân. Vì vậy, để đạt được những kết quả đáng tự hào trên là nhờ vào sự quản lý hiệu quả, sự phối hợp nhịp nhàng, sự quyết tâm cao độ của Ban lãnh đạo và toàn bộ CBCNV Công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ kịp thời, hợp lý và hiệu quả trong Ban Tổng giám đốc để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động, Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của HĐQT Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt Nghị quyết HĐQT và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đề ra và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành về hoạt động của Công ty.
- Hàng tháng, Tổng giám đốc lập báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng gửi HĐQT. Tại các cuộc họp của HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh tính đến thời điểm hiện tại và phương hướng hoạt động thời gian đến để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có chỉ đạo kịp thời; Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho mọi hoạt động SXKD của Công ty.
- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban Tổng giám đốc trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trên toàn thế giới nói chung và TT Huế nói riêng. Hội đồng quản trị HueWACO chủ động triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm đảm bảo SXKD và đồng hành cùng tỉnh TT, Huế phòng chống, đẩy lùi dịch bệnh Covid 19.
- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông giao.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Linh hoạt điều chỉnh chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình thực tế.
- Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến để đáp ứng việc quản trị Công ty theo định hướng phát triển,
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty.
- Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm và chính sách lương thưởng.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

❖ Thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Trương Công Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Trương Công Hân	TV Hội đồng quản trị
3	Ông Trần Văn Thọ	TV Hội đồng quản trị
4	Ông Dương Quý Dương	TV Hội đồng quản trị
5	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	TV Hội đồng quản trị
6	Ông Trương Minh Châu	TV Hội đồng quản trị
7	Ông Vũ Anh Tuấn	TV Hội đồng quản trị

❖ **Đánh giá hoạt động của HĐQT**

Với sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của HĐQT; sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể CBCNV đã từng bước khắc phục các tồn tại, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của HĐQT.

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.
- Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao. Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đều được thực hiện chặt chẽ và phù hợp.
- Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Trương Công Nam	CT HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Trương Công Hân	TV HĐQT	4/4	100%	
3	Ông Trần Văn Thọ	TV HĐQT	4/4	100%	
4	Ông Dương Quý Dương	TV HĐQT	4/4	100%	
5	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	TV HĐQT	4/4	100%	
6	Ông Trương Minh Châu	TV HĐQT	4/4	100%	
7	Ông Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT	4/4	100%	

- Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	287B/NQ-HWS	27/04/2020	Về việc phân loại đánh giá Người đại diện vốn Nhà nước tại HueWACO năm 2019.
2	382/NQ-HWS	22/05/2020	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
3	408/NQ-HWS	25/05/2020	Nghị quyết về việc chia cổ tức năm 2019 bằng tiền.
4	619/NQ-HWS	28/08/2020	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
5	756/NQ-HWS	22/10/2020	Nghị quyết HĐQT v/v mua lại cổ phiếu hạn chế quyền chuyển nhượng của CBCNV nghỉ việc.

- Thành viên HĐQT độc lập: Không có
- ❖ **Các tiểu ban trực thuộc: Không có**
- ❖ **Đào tạo về quản trị công ty**

Trong năm 2020, các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc được tạo điều kiện tham dự các chương trình đào tạo ngắn hạn về quản trị, tài chính và các lĩnh vực chuyên môn khác.

2. Ban kiểm soát

- ❖ **Thành viên BKS**

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Liên Ngọc	Trưởng BKS	Sở hữu cá nhân: 101.700	0,12
2	Bà Nguyễn Ái Minh	TV BKS	Sở hữu cá nhân: 15.000	0,02
3	Bà Nguyễn Thị Trang	TV BKS	Sở hữu đại diện: 2.293.018 (Công ty TNHH Cơ điện Hawaco)	2,62

- ❖ **Đánh giá hoạt động của BKS**

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Nguyễn Thị Liên Ngọc	Trưởng ban	4/4	100%	
2	Bà Nguyễn Ái Minh	Thành viên	4/4	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Trang	Thành viên	4/4	100%	

- ❖ **Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020**

Trong năm qua, trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn được phân công, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tài chính, công tác quản lý + điều hành Công ty thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

- Giám sát các chỉ số tài chính; theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các báo cáo độc lập của Ban Kiểm soát trình lên Chủ tịch HĐQT Công ty hằng tháng.
- Tham gia đề xuất việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.
- Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện các dự án đầu tư XDCB của Công ty; giám sát tiến độ thực hiện và giải ngân dự án ADB, kế hoạch thu chi của các nhà thầu thuộc dự án...
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc trong việc chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD năm 2020: Kiểm tra, rà soát các khoản chi tiêu, đối chiếu với các quy chế, điều lệ tổ chức của Công ty đã ban hành và các quyết định của Chủ tịch hội đồng quản trị, có ý kiến với Hội đồng quản trị điều chỉnh cho phù hợp.
- Tham gia tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị (HĐQT); các cuộc họp giao ban hằng tháng; đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc công bố thông tin báo cáo tài chính Công ty đến UBCK nhà nước; Sở GDCK Hà Nội theo quy định về công bố thông tin trên sàn chứng khoán.
- Xây dựng chương trình kiểm tra theo chuyên đề đối với các Xí nghiệp cấp nước nhằm tư vấn hướng dẫn hạn chế giảm thiểu các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.
- Thường xuyên giám sát việc thực hiện hợp đồng giao khoán của các xí nghiệp và phòng ban chuyên môn thông qua việc quyết toán HDGK hằng tháng, quý.
- Thẩm định các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm của Công ty, Ban kiểm soát đánh giá BCTC năm 2020 như sau:
 - BCTC năm 2020 của Công ty cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng, BCTC của kiểm toán độc lập chấp thuận toàn phần BCTC của Công ty.
 - Qua quá trình kiểm soát BCTC năm 2020, BCTC phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và không có sai sót trọng yếu.

❖ **Những kiến nghị của BKS về phương hướng hoạt động năm 2021**

- Sớm hoàn thành dự án Nhà máy xử lý nước sạch Vạn Niên công suất 120.000 m³/ngày đêm (giai đoạn 1) trong năm 2021, đáp ứng nhu cầu cấp nước cho hơn 90% dân số toàn Tỉnh, đảm bảo cấp nước an toàn, an ninh nước sạch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2020-2030 và lâu dài.
- Tiếp tục chú trọng công tác quản trị chi phí sản xuất kinh doanh như: trả lương theo hiệu quả công việc; tiết giảm chi phí năng lượng, nguyên vật liệu theo hướng năng lượng sạch bằng các ứng dụng khoa học công nghệ; tiếp tục thực hiện công tác khoán chi phí...
- Đảm bảo tăng doanh thu nước (sau khi loại trừ ảnh hưởng của yếu tố dịch bệnh theo 3 phương án SXKD của Công ty) nhằm hướng đến hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021.
- Đại dịch Covid-19 đã tạo nhiều biến động và xáo trộn trên toàn cầu, dư âm của nó vẫn còn ảnh hưởng tiếp tục trong những tháng đầu năm 2021. Hội đồng quản trị tiếp tục đổi mới bằng cách ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, Ban đạo tạo chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là hướng đi bền vững và kim chỉ nam để Công ty tiếp tục phát triển vững chắc.

3. Giao dịch và thu lao của HĐQT, BKS và BGD

❖ **Thù lao của HĐQT, BKS và BGD**

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua mức thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và Thư ký Công ty năm 2020, như sau:

-
1. Thành viên Hội đồng quản trị : 5 triệu đồng/người/tháng
 2. Thành viên Ban kiểm soát : 4 triệu đồng/người/tháng
 3. Thư ký Công ty : 3 triệu đồng/người/tháng

❖ **Giao dịch cổ phiếu của NNB và NLQ đến NNB: Không có.**

❖ **Giao dịch, hợp đồng của công ty với người có liên quan: Không có.**

4. Tăng cường quản trị công ty

❖ **Tuân thủ quy định về quản trị công ty**

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin.
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Xây dựng điều lệ, Quy chế quản trị bán sát theo Luật Doanh Nghiệp 2020 và Thông tư 116.

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Mục tiêu phát triển bền vững

*** Đối với khách hàng:**

- Đảm bảo cấp nước an toàn và ngon, đủ áp lực và lưu lượng.
- Dịch vụ hoàn hảo, kịp thời đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

*** Đối với cổ đông:**

- Thực hiện công bố thông tin công khai, minh bạch.
- Đảm bảo tỷ lệ cổ tức ổn định và bền vững.

*** Đối với nhà nước:**

- Tuân thủ chính sách nhà nước trong hoạt động kinh doanh,
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ các khoản nộp ngân sách và nghĩa vụ thuế,

*** Đối với người lao động:**

- Xây dựng chính sách lương thưởng hiệu quả, hợp lý với mức thu nhập cạnh tranh,
- Đảm bảo sức khỏe và điều kiện làm việc an toàn với người lao động,
- Chăm lo đời sống tinh thần của người lao động,

*** Đối với cộng đồng xã hội:**

- Phát triển nhưng đảm bảo bền vững về môi trường,
- Chia sẻ, chung tay với các hoạt động vì cộng đồng,

2. Đánh giá của BGD

❖ Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các yếu tố có thể ảnh hưởng đến môi trường đều được Công ty chú trọng chỉ đạo, thực hiện để đảm bảo không gây ảnh hưởng môi trường.

Các dự án đầu tư đều được thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện đầy đủ các cam kết chế độ báo cáo theo quy định về môi trường.

❖ Đánh giá các hoạt động liên quan đến người lao động

- Tất cả CBCNV- LĐ đều được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời. Quy chế, thỏa ước lao động được ký với công đoàn và được cấp trên phê duyệt.
- Công đoàn cơ sở công ty tạo nguồn vốn cho CBCNV cần vay vốn từ quỹ tương trợ do CBCNV đóng góp hàng tháng.

❖ Đánh giá các hoạt động liên quan đến cộng đồng – xã hội

Với định hướng phát triển bền vững trong tương lai, HueWACO không chỉ chú trọng tới lợi ích của Công ty mà còn quan tâm đến vấn đề cộng đồng và lợi ích xã hội. HueWACO luôn hiểu rằng sự phát triển của Công ty góp phần tạo nên sự phát triển của địa phương, xã hội, và ngược lại sự ủng hộ của cộng đồng địa phương

cũng chính là động lực để Công ty nỗ lực hơn nữa trong tương lai. Công ty luôn tâm niệm rằng mọi hoạt động của công ty đang thực hiện đều hướng tới mục tiêu phục vụ cuộc sống của cộng đồng tốt hơn, để cả cộng đồng đều có thể được sử dụng nguồn nước sạch và an toàn. Trong những năm qua, công ty đã tổ chức nhiều hoạt động cộng đồng như quyên góp từ thiện, ủng hộ cho những đồng bào vùng lũ, hỗ trợ cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn,...

❖ **Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

- Lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất nước sạch bao gồm một số hóa chất xử lý nước theo quy định phù hợp với tiêu chuẩn nước ăn uống như: Vôi, javel, PAC...
- Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt công tác xả thải ra môi trường. Cụ thể, trong quá trình sản xuất nước, phần bùn thu hồi sau quá trình xử lý nước, công ty lắp đặt hệ thống thu hồi trực tiếp ra sân phơi bùn. Sau khi phơi khô sẽ dùng để san lấp mặt bằng. Lượng bùn này đã được trung tâm Quatest II kiểm nghiệm ko nguy hại cho môi trường nên với sáng kiến thu hồi trên vừa tiết kiệm chi phí vật liệu san lấp, vừa giải quyết lượng chất thải ra môi trường.

❖ **Tiêu thụ năng lượng**

- Trong sản xuất, Công ty luôn ý thức được mức độ ảnh hưởng của nguồn nước đối với sản xuất và đời sống người dân nên luôn có sáng kiến tuần hoàn, tái sử dụng nguồn nước, áp dụng các năng lượng sạch vào sản xuất nhằm hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường
- Năng lượng tiêu thụ: trực tiếp và gián tiếp

❖ **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các yếu tố có thể ảnh hưởng đến môi trường đều được Công ty chú trọng chỉ đạo, thực hiện để đảm bảo không gây ảnh hưởng môi trường.
- Các dự án đầu tư đều được thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện đầy đủ các cam kết chế độ báo cáo theo quy định về môi trường.
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định: Không có.

❖ **Chính sách liên quan đến người lao động**

- Tất cả CBCNV- LĐ đều được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời. Quy chế, thỏa ước lao động được ký với công đoàn và được cấp trên phê duyệt.
- Công đoàn cơ sở công ty tạo nguồn vốn cho CBCNV cần vay vốn từ quỹ tương trợ do CBCNV đóng góp hàng tháng.

❖ **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Ngoài nỗ lực kinh doanh, năm qua, Công ty tích cực tham gia hoạt động từ thiện xã hội với số tiền trên 2,5 tỷ đồng. Nổi bật, trong đại dịch COVID-19, HueWACO đã nghiên cứu sản xuất nước rửa tay sát khuẩn, máy rửa tay tự động, buồng khử khuẩn toàn thân chuyên dụng cho nhân viên y tế có bảo hộ với số tiền hơn 1 tỷ đồng; nhằm chia sẻ khó khăn với người dân tỉnh nhà bị thiệt hại nặng do hậu quả của bão lụt, Công ty đã kêu gọi CBCNV Công ty và các doanh nghiệp ngành nước trao tặng 2.100 suất quà, hỗ trợ 31 CBCNV Công ty có hoàn cảnh khó khăn và 4 hộ nghèo trên địa bàn Thủy Xuân, Thủy Biều, Phường Đức sửa chữa nhà ở khắc phục hậu quả cơn bão số 5 với tổng trị giá 1,1 tỷ đồng. Bên cạnh đó, hoàn thành lắp đặt 5 máy lọc nước tại 5

xã tại 2 huyện Nam Đông- A Lưới với tổng trị giá gần 400 triệu đồng, trong đó Hiệp hội Nước Úc hỗ trợ 250 triệu đồng và chi phí thiết bị, nhân công lắp đặt của HueWACO là 150 triệu đồng...

G. KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Chi tiết báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế đã được công bố thông tin trên website: www.huewaco.com.vn, chuyên mục Quan hệ cổ đông.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

Nơi nhận:

- UBCK NN (để báo cáo);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (để báo cáo);
- Thành viên HĐQT, Ban KS;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Công Nam